



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

I-171 : _____ Yes, _____

EXIT VISA: _____ Yes _____

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Pham thi Hue
NGUYEN ĐỨC THOÀ
Last Middle First

Current Address 11/3 Đường CMTB, F-5 Q. TÂN-BÌNH, TP/HỒCHIMINH

Date of Birth 05TH JAN 1927 Place of Birth PHAT-DIEM, KIMSÓN, NINH BÌNH

Previous Occupation (before 1975) TYPIST CLERK, POINSARD & VEYRET IMPORT COMPANY
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 15 JUN 1975 To 18 JAN 1982

Died : 89

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
<u>PHAM-THI-QUY</u>	<u>MY WIFE'S SISTER</u>
<u>PHAM-QUANG-CHIÊU</u>	<u>MY WIFE'S BROTHER</u>

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYỄN-ĐỨC-THOÀ²
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1) PHẠM-THỊ-HUỆ	18 DEC 1935	WIFE
2) NGUYỄN-ĐẮC-LẠC	10 JUN 1961	SON
3) NGUYỄN-THỊ-PHƯƠNG-LAN	7 JUN 1966	DAU
4) NGUYỄN-HOÀNG-DŨNG	26 AUG 1968	SON
5) NGUYỄN-THỊ-PHƯƠNG-THẢO	06 OCT 1952	DAU
6) TRẦN-MINH-HẢI ²	25 FEB 1978	GR. SON
7) VŨ-TUẤN-LÂM	1984	"
8) VŨ-TUẤN-DUY	1986	"

DEPENDENT'S ADDRESS :(if-different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỒ LÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYỄN ĐỨC THOÀ
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
DATE, PLACE OF BIRTH : JAN 05TH 1927
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu): _____
MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X
(Tinh trang gia dinh):
ADDRESS IN VIETNAM : 11/3 ĐƯỜNG CMTB, F-5 A TÂN-BÌNH, TP/HỒCHIMINH
(Dia chi tai Viet-Nam)
POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) _____
If Yes (Neu co): From (Tu): 15 JUN 1975 To (Den): 18 JAN 1982
PLACE OF RE-EDUCATION: TRẠI "TÂN-HIỆP" BIÊN-HÒA
CAMP (Trai tu)
PROFESSION (Nghề nghiệp): _____
EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): INFANTRY & TRANSPORTATION OFFICERS' SCHOOL, FORBENNING GA. (1957)
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): MAJ. RUNAF GEN. HQ/ORDNANCE CHIEF OFFICE, PROCESSING AND
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): PLANNING SECTION (SECTION CHIEF)
C/O: COL. TỬ-NGUYỄN-QUANG Date (nam): 70-75
APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): X
IV Number (So ho so): _____
No (Khong): _____
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): _____
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti
MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): _____
11/3 ĐƯỜNG CMTB, F-5 A TÂN-BÌNH, TP/HỒCHIMINH
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro): _____
U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): _____ No (Khong): _____
RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): _____
NAME & SIGNATURE: _____
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) _____
DATE: _____
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1) PHAM-THI-HUE	18 DEC 1935	WIFE
2) NGUYEN-DAC-LAC	10 JUN 1961	SON
3) NGUYEN-THI-PHUONG-LAN	7 JUN 1966	DAU
4) NGUYEN-HOANG-DUNG	26 AUG 1968	SON
5) NGUYEN-THI-PHUONG-THAO	06 OCT 1952	DAU
6) TRAN-MINH-HAI	25 FEB 1978	GR. SON
7) VU-TUAN-LAM	1984	"
8) VU-TUAN-DUY	1986	"
THAO'S CHILDREN		

DEPENDENT'S ADDRESS (if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

2000 29/11

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Tại hành án văn, quyết định tha số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____

của _____

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh _____

Họ, tên thường gọi _____

Họ, tên bí danh _____

Sinh ngày _____ tháng _____ năm _____

Nơi sinh _____

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt _____

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
 AN QUẢN LÝ NỘI MŨI MIỀN BẮC
 ĐIỀU 24, NGÀY 1, THÁNG 2
 CHỈ ĐẠO 12 tháng
 LƯU TỬ NGUYỄN KIỆT TRINH DIỆN
 0524

Cán bộ _____

Bị bắt ngày _____

Án phạt _____

Theo quyết định, án văn số _____

ngày _____

tháng _____

năm _____

của _____

Đã bị tăng án _____

lần, cộng thành _____

năm _____

tháng _____

Đã được giảm án _____

lần, cộng thành _____

năm _____

tháng _____

Nay về cư trú tại _____

Nhận xét quá trình cải tạo _____

CHUNG NHẬN GIẤY RA TRẠI

Xuất trình tại UBND Phường 3

Ngày 14 Tháng 1 năm 82

THAM HIỆU PHƯỜNG

Lưu tay ngôn trở phải

Của _____

Danh bản số _____

Lập tại _____



Họ tên cho ký _____

Ngày 18 tháng 01 năm 82

Giám tại _____

Phường 3

Phường 3

Ủy ban Trung tâm Dân binh
xã hội - Nguyễn Thị Chua
thực và trình diện tại C.A.F.B.

Ngày 14-01-1982
LCT



Nguyễn Thị Chua

Khu B.1.1
Quận Phước Ninh
Xã Giáo Phụng

Số 7

GIẤY KHAI GIẢ-THỦ

Tên, họ, tuổi và chỗ ở người chồng.

Tên, họ, tuổi và chỗ ở người vợ.

Vợ cũ hay vợ thứ mấy.

Lời vợ cũ khai bằng lòng cho lấy vợ thứ.

Tên, họ, tuổi, nghề-nghiệp và chỗ ở bố mẹ chồng hay người đứng thay.

Còn sống hay chết.

Tên, họ, tuổi, nghề-nghiệp và chỗ ở bố mẹ vợ hay người đứng thay.

Còn sống hay chết.

Chồng cũ khai nhận con hoang làm con chính không.

Tên, họ, tuổi, ngày sinh cùng nơi sinh của mỗi đứa con nhận làm con chính.

Có trình giấy hôn-uớc không (ngày tháng năm của giấy hôn-uớc và viên-chức đã ký phạt hôn-uớc).

Tên, họ, tuổi, nghề-nghiệp và chỗ ở người làm chứng thứ nhất.

Tên, họ, tuổi, nghề-nghiệp và chỗ ở người làm chứng thứ hai.

Ngày khai.

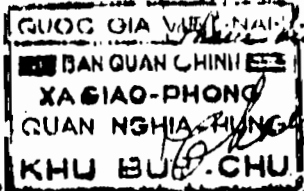
Ký tên,

Chồng.

Vợ.

Nguyễn Văn Hoa

P. Thuyết



Bố mẹ chồng.

Bố mẹ vợ.

Phạm Quang Tiến

Nguyễn Văn Cường
Vũ Văn Cường

Trương Văn Lý

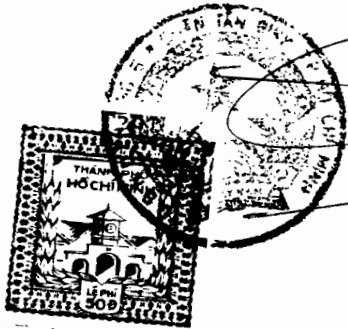
Phước

Số: 5222 / 12 / 1979
CHỨNG NHẬN GIỐNG Y BẢN CHÍNH

Xuất Trình Tại UBND Phường 5

Ngày 14 Tháng 8 năm 1979

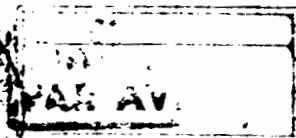
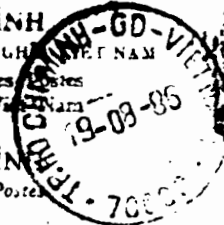
T.M. UBND. PHƯỜNG,



ĐỖ THÀNH PHƯƠNG

BƯU CHÍNH
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Administration des Postes
de la R. S. du Vietnam

BƯU CHÍNH
Service des Postes



Hà Nội
(x) và (y) cũ
C. 5
Nhận tại Hà Nội các
hoàn giấy báo
Tendre de l'avis
renvoyé par

GIẤY BÁO

Avis de (2)

Nhận
Reception

Trả tiền
Payement



Mẫu 70 - 15 X 10

Địa chỉ: NGUYỄN VĂN THẠ

Address: 11/3 ĐƯỜNG CHISEL (Khu vực Tân Cảng, TP. Hồ Chí Minh)

ở (4) nước (Pays) VIỆT NAM

- (1) Nếu giấy báo này luân lại bằng máy bay thì phải ghi rõ: "Hoàn lại bằng máy bay".
Si le présent avis doit être renvoyé par avion, le rectifié de la mentionavis apparaît: "Renvoyé par avion".
và dán là nhãn hoặc đóng dấu màu xanh: "Par avion".
et de l'étiquette ou d'une empreinte de couleur bleue: "Par avion".
- (2) Gạch bỏ phần không thích hợp: "Différer ou qui ne convient pas".
- (3) Người gửi ghi địa chỉ của họ để gửi hoàn giấy báo này.
L'expéditeur par l'expéditeur, qui indiquera son adresse pour le renvoi du présent avis.

1. 2. 3. 4. 5. 6. 7. 8. 9. 10. 11. 12. 13. 14. 15. 16. 17. 18. 19. 20. 21. 22. 23. 24. 25. 26. 27. 28. 29. 30. 31. 32. 33. 34. 35. 36. 37. 38. 39. 40. 41. 42. 43. 44. 45. 46. 47. 48. 49. 50. 51. 52. 53. 54. 55. 56. 57. 58. 59. 60. 61. 62. 63. 64. 65. 66. 67. 68. 69. 70. 71. 72. 73. 74. 75. 76. 77. 78. 79. 80. 81. 82. 83. 84. 85. 86. 87. 88. 89. 90. 91. 92. 93. 94. 95. 96. 97. 98. 99. 100.

Bưu phẩm ghi số (1)
Envoi recommandé

Gửi tại Bưu cục TRUNG
Déposé au bureau de poste de

ngày 16/8/1962 số 302
le 19 sous le n°

Địa chỉ người nhận THE SOUTHERN DEPARTURE PROGRAM
Adresse du destinataire BUILDING 127 SATHORN TAI ROAD
127 BANJACHUM BANGKOK 10120 THAILAND

nhận
1. 2. 3. 4. 5. 6. 7. 8. 9. 10. 11. 12. 13. 14. 15. 16. 17. 18. 19. 20. 21. 22. 23. 24. 25. 26. 27. 28. 29. 30. 31. 32. 33. 34. 35. 36. 37. 38. 39. 40. 41. 42. 43. 44. 45. 46. 47. 48. 49. 50. 51. 52. 53. 54. 55. 56. 57. 58. 59. 60. 61. 62. 63. 64. 65. 66. 67. 68. 69. 70. 71. 72. 73. 74. 75. 76. 77. 78. 79. 80. 81. 82. 83. 84. 85. 86. 87. 88. 89. 90. 91. 92. 93. 94. 95. 96. 97. 98. 99. 100.

Người ký tên dưới đây khai rằng bưu phẩm ghi trên đây đã phát.
Le soussigné déclare que l'envoi mentionné ci-dessus a été dûment livré

ngày 15/8/62
le

Chữ ký người nhận Chữ ký người nhận Nhặt ấn bưu cục nhận
Signature du destinataire (1) Bưu cục nhận Tamire d. Bureau
Signature de l'agent da Bureau d'envoi Est notaire

HU : (1) Nếu phát cho người được ủy quyền, nhân viên giữ dưới chữ ký « được ủy quyền ».
Nếu phát chậm ghi lý do như « người nhận bỏ lần thứ 3 mới đến ».

QUESTIONNAIRES FOR ODP APPLICANT.

A. Basic Identification Data:

1-Name : **AGUYEN-DUC-THON** SER. NO : **47/300 283**
 2-Other name : **KONB**
 3-Date/place of birth : **05 JAN. 1927, PHU DIEN, KINH-SON, NINH-BINH**
 4-Residence address : **11/3 DUONG CMTE, F-6, Q. TAN-BINH, TP/HOCHI MINH**
 5-Mailing address : **11/3**
 6-Current occupation : **UNEEMPLOYMENT PARTLY BY DECREPITUDE**

B. Relatives to accompany me:

(Note). Marital status Married (M), Divorced (D), Widowed (V), or Single (S). Certificate of birth, marriage, Death, Divorce decree, ID card (if available) and photo of reliable persons are need in photocopy only.

| No : | Full name | Date of birth | Place of birth | Sex | MS | Relationship |
|------|------------------------|---------------|-----------------------|-----|----|----------------|
| 1 | PHAM-THI-HUE | 18 DEC 1935 | GIANG-PHONG, NAM-DINH | F | M | WIFE |
| 2 | AGUYEN-THI-THUONG-TIME | 6 OCT 1932 | LAU-DINH | F | S | DAU |
| 3 | AGUYEN-DUC-LAC | 10 JUL 1961 | BUNH THINH | M | 9 | SON |
| 4 | AGUYEN-THI-THUONG-HAI | 16 DEC 1963 | QUANG-NHAI | F | 9 | DAU |
| 5 | AGUYEN-THI-THUONG-LAN | 7 JUN 1966 | SAIGON | F | 9 | DAU |
| 6 | AGUYEN-HOANG-DUNG | 26 AUG 1968 | SAIGON | M | S | SON |
| 7 | TRAM-MINH-HAI | 25 FEB 1975 | " | F | S | THUONG-THAO'S |
| 8 | VO-THUAN-DUY | 15 MAR 1980 | " | M | M | NATURAL CHILD |
| 9 | AGUYEN-THI-THUONG-THUY | 31 JAN 1955 | HO AN | F | M | DAU |
| 10 | PHAM-THI-THUONG | 15 OCT 1955 | HOA-BE, GIA-DINH | F | M | THUONG-LAN |
| 11 | PHAM-THI-THUONG | 11 AUG 1977 | " | F | S | GRAND CHILDREN |
| 12 | PHAM-THI-THUONG | 17 MAR 1980 | " | F | S | " |

C. Relatives outside Vietnam

1- Closest relatives in the USA

a/ Name : **DOAN-DUC-TRAC, PHAM-THI-QUY, PHAM-QUANG-CHIEU**
 b/ Relationship : **WIFE'S SISTER, WIFE'S BROTHER**
 c/ Address : **2010 RUNZEL, HOUSTON TX. 77088 USA**

2- Closest relatives in other foreign countries:

a/ Name :
 b/ Relationship :
 c/ Address :

D. Complete family listing (living-dead)

| | Name | Address |
|---------------------------|---|---|
| 1- Father | AGUYEN-DUC-TRUY (DEAD) | |
| 2- Mother | LU-THI-CUC | |
| 3- Spouse | PHAM-THI-HUE | 11/3 DUONG CMTE, F-6, Q. TAN-BINH, TP |
| 4- Father spouse (if any) | NOT ANY | |
| 5- Children: | <ul style="list-style-type: none"> AGUYEN-THI-THUONG-THAO AGUYEN-THI-THUONG-THUY AGUYEN-DUC-LAC AGUYEN-THI-THUONG-HAI AGUYEN-THI-THUONG-LAN AGUYEN-HOANG-DUNG | 60/9 RI 5A, PHU-YUAN, HUYEN NH
11/3 DUONG CMTE, F-6, Q. TAN-BINH, TP
-11-
-11-
-11- |

6- Siblings:

| | | |
|--------------------|--------------------|------------------------------------|
| - PHAM-THI-QUY | (in USA) | 2010 RUNZEL, HOUSTON, TX 77088 USA |
| - PHAM-THI-HIEN | | XOM HAI, Q. GO-VAP |
| - PHAM-QUANG-CANH | (BORN AT, VIETNAM) | 17/24/B 4-6 Q. TAN-BINH TP/HCM |
| - PHAM-QUANG-CHIEU | (in USA) | 2010 RUNZEL, HOUSTON |
| - PHAM-QUANG-BINH | | F-6 Q. TAN-BINH |

E. Employment by US Government, Agencies or other US Organisation of you or your spouse:

1- Name of person employed :-

2- Date: From: To: PI

3- Title of last position held:

4-Agency/Company/office:

a/ -
b/ -

5- Name of last Supervisor:

a/ -
b/ -
c/ -

6- Reason for leaving:

a/ -
b/ -
c/ -

7- Training for job in Vietnam: -

P. Service with GVN or RVNAF by you or your spouse:

1-Name of person serving: -

2-Date From: - 16 OCT 1952

3-Last rank: -

MAJOR

4-Ministry/Office/Military Unit: - RVNAF GEN. HQ./ORDNANCE INSP. OFFICE

5-Name of Supervisor/CO: - COL. T. NGUYEN-QUANG

6-Reason for leaving: - DISSOLUTION OF RVNAF

7-Name of American Advisor: - MR. COLONEL - DAO THANH - MR. LATERB

8-US training course in Viet Nam: - ARMORED RETAIN, AT ORD. SCHOOL IN G. 30 (1965)

9-US Awards or certificates: -

(Note): Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.

Available?

YES: -

NO: - X

Q. Training outside Vietnam of you or your spouse:

1-Name of student/trainee: -

NGUYEN-BUC-THOA

2-School and school address: - INFANTRY SCHOOL, FORT BENNING, GEORGIA (1957)

3-Date: From: - To: -

4-Description of course: - ALLIED COMPANY OFFICER
- MOTOR TRANSPORTATION OFFICER

5-Who paid for training: -

US GOVERNMENT

(Note): Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available?

(YES: -

M

NO: -

X

R. Re-Education of you or your spouse:

1-Name of person in re-education: -

NGUYEN-BUC-THOA

2-Total time in re-education: -

6 Years

6 Months

Days

3- Still in re-education? YES

NO

X

(If released we must have a copy of your release certificate)

I. Any additional remarks?

* RELATIVES TO ACCOMPANY ME

- No #10 NGUYEN-THI THUONG-THUY

- 11 PHAM-DINH-CHIEU

- 12 PHAM-LENG-THUONG

- 13 PHAM-THI-LOOC-DUNG

- 14 PHAM-QUANG-MINH

DOB

9 JAN 1955

15 OCT 1956

11 AUG 1977

17 MAR 1980

1 SEP 1985

POB

HAI AN

HADE

"

"

"

SEX

F

M

M

F

M

MS

M

M

9

9

3

REL.

THUY

ANDERSON

THUY'S

CHILDREN

"

ADDR.

60/9

52

PHU XUAN

NUOI HI

70/1000

PREVIOUSLY IN OCT. 1983 I SENT MY APPLICATION AND EVERYTHING TO YOUR D.D.P. OFFICE. I HAVE WAITED
PERSISTENTLY THREE YEARS ALMOST TO HEAR FROM YOU, BUT NO HEARING AT ALL. I HOPE THIS TIME MY RE-
SENT APPLICATION COULD COME TO YOU, AND WOULD YOU PLEASE CONSIDER MY CASE AND GRANT US WITH
AN I.V. NUMBER AS WELL AS AN L.O.I. BY DELIVERING THEM DIRECTLY BY POST TO MY MAILING ADDRESS
- THANK YOU VERY MUCH

Signature: Alton

Date: _____

J. Please list all documents attached to this Questionnaire.

131 SOI TIEN SIANG
SOUTH SATHORN ROAD
BANGKOK 10 20
THAILAND

WALAT NAT. MIL. ACADEMY/12TH CADETS' PROMOTION
TYPEST CLERK, DOINSARD & VEYRE IMPORT FIRM

Xã, phường phường 5
Huyện, quận Tân Bình
Tỉnh, thành phố Hồ Chí Minh

Số 36/1989
Quyền số 09/85

GIẤY CHỨNG TỬ

Căn cứ giấy báo tử số ngày tháng năm
Của người (hoặc cơ quan) báo tử phương 5, Tân Bình
Nơi thường trú 10/3, phường 5, Tân Bình
Số giấy chứng minh hoặc hộ chiếu 020941092
Quan hệ với người chết Vợ

NAY CHỨNG TỬ:

Họ và tên người chết Nguyễn Đức Thoa Nam, nữ (nam)
Sinh ngày tháng năm 1927
Dân tộc Khmer Quốc tịch Việt Nam
Nơi thường trú 10/3, phường 5, Tân Bình
Chết ngày 27 tháng 04 năm 1989
Nơi chết Tân Bình
Nguyên nhân chết Giao tử

Việc mai táng phải tiến hành chậm nhất trong vòng 24 giờ kể từ khi chết, trừ trường hợp có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền theo luật định.

Số: 06081
CHỨNG NHẬN GIỐNG Y BẢN CHÂN Ngày 24 tháng 04 năm 1989

Xuất trình tại UBND Phường 5

Ngày 9 tháng 5 năm 1989

T/M. UBND. PHƯỜNG,

T/M UBND

(đóng dấu)

PHÓ CHỦ TỊCH



Chai Thị Thanh

Dũng Tân Phường



Dean Lee Trac



OCT 1 1989 Khue Minh Tho

(FVNPPA)

P.O. Box 5435

Arlington, VA 22205-0635

Houston ngày 5-10-1989

TN chết

Kính gửi: Bà Khieu Minh Thô

10/18/89

Hội Trưởng: Hội gia đình tù nhân chính trị
Việt-Nam (FVNPPA)

Thưa Bà, Em tôi là Phạm Thị

Huê có nhớ tôi gửi hồ sơ chứng
là Nguyễn Đức Thôn đến Bà, qua
tác chỉ của tôi là Đoàn Đức Trạc
ở 2010 Brunzel, Houston, Tex. 77088,
Tôi quên sót lá đơn của em tôi
là Phạm Thị Huê, nay tôi xin
gửi đến Bà, xin bà nhận cho
và kẹp vào hồ sơ của Nguyễn
Đức Thôn, vì vợ là Phạm Thị
Huê.

Kính Bà nhận, nơi chúng tôi
lòng biết ơn sâu xa.

Tray kính

Đoàn Đức Trạc

Hình gửi: Bà Huệ - Minh - Chở

Hội trưởng

Hội gia đình tù nhân chính trị VN (FVNPPA.)

Po Box 5435 Arlington VA. 22205-0635

Hình thưa bà,

Tôi là: Phạm-thị-Huê sinh ngày 18-12-1935

Hiện cư ngụ tại: 11/3 CMT8 F-5 Q. Tân Bình TP/HCM

góa phụ của: Ông Nguyễn Đức - Khoa

cấp bậc: thiếu tá Sĩ quân 47/300283

Phục vụ (trước 30-4-75): QLVNCH Bộ TTM / phòng quân cụ

đã tạ thế ngày 23-04-1989

Nguyên chồng tôi từ cải tạo từ: 15-06-1975 đến: 18-01-1982
đã mấy lần lâm trọng bệnh (thở) chết trong trại, tôi và mấy cháu đã nhiều
lần phu thăm nuôi thuốc men mới qua được.

Kể từ khi được thả về — đến nay gia đình không ngớt phục thuốc với
mọi cố gắng trong hoàn cảnh khó khăn và đôn đốc của mẹ con chúng tôi đã không quản
bất cứ sự hy sinh nào, phân là bốn phân phần thì cũng trông nhờ nương bóng cây tùng
khí nhà tôi hết kỳ bị cực đến kỳ thái lai. Mọi sự không qua khỏi số mệnh,
U nay nhà tôi đã vĩnh biệt vợ con trong hoàn cảnh gian truân tôi thì cũng minh già
tuổi yếu, gia nghiệp khôn khéo trăm bề trải qua thời kỳ 14 năm gian khổ.

vậy dám xin bà và quý hội cảm thông nỗi thống khổ của kẻ đồng hội còn ở nơi
đây mà nâng đỡ mấy mẹ con tôi, số phận hẩm hiu và mất người thân yêu lại tan
tác hy vọng với bầu vòm từ trước đến giờ, để chúng tôi được thừa hưởng công nghiệp
của người quá cố và được ăn hưởng quyền lợi ra đi trong chứng trình ODP như
những gia đình tù nhân chính trị khác.

Trông đời sự cứu xét khoan dung và sự hỗ trợ tích cực của bà và quý
hội về trường hợp chúng tôi đã trình bày trên, chúng tôi trên trong bày tỏ nỗi day lòng
biết ơn sâu sắc của chúng tôi và xin ăn trên chúc lành an và thịnh vượng cho bà và
quý hội.

Nay kính đón

Huê

Phạm-Thị-Huê